

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018
đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 – 5
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	6 – 39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên	
Ông Trần Vũ Tuấn	Ủy viên	
Ông Bùi Hoàng Việt Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Quý	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2018

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Giám đốc điều hành
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Giám đốc (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

Giám đốc 



Phạm Xuân Hà



Số: 249./2018/BCSX-AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được lập ngày 20 tháng 11 năm 2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty TNHH MTV Vang Thăng Long là công ty con của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 100%) chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 3.208.119.608 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên thì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại Công ty TNHH MTV Vang Thăng Long lỗ thêm 3.208.119.608 đồng. Theo đó, trên Báo cáo tài chính hợp nhất, các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất gồm: "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (mã số 26) tăng thêm với số tiền 3.208.119.608 đồng, "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (mã số 50) và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (mã số 60) cùng giảm đi với số tiền 3.208.119.608 đồng; các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm: "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (mã số 137) tăng thêm 3.208.119.608 đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) giảm đi số tiền 3.208.119.608 đồng.

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-028) 3910 4881 * Fax: (84-028) 3910 4880
Email: infohem@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

Glosbe 07 TT2/96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan, Ha Noi
4 Tel: (84-24) 3994 7969 * Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.116.015.383	100.959.315.722
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		726.789.499	4.317.824.263
1.	Tiền	111	V.01	726.789.499	4.317.824.263
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5.200.000.000	5.200.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.200.000.000	5.200.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.656.606.152	24.450.697.573
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	7.426.871.336	19.415.369.220
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.191.029.794	1.693.728.569
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.038.705.022	3.341.599.784
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	77.024.127.479	66.747.406.865
1.	Hàng tồn kho	141		77.024.127.479	66.747.406.865
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		508.492.253	243.387.021
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	96.760.247	119.855.495
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		378.117.227	123.531.526
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	33.614.779	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.525.807.586	44.640.405.500
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		17.628.409.180	18.200.883.894
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	17.618.607.995	18.186.140.095
	- Nguyên giá	222		56.507.639.343	55.980.639.343
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(38.889.031.348)	(37.794.499.248)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	9.801.185	14.743.799
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(85.198.815)	(80.256.201)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	2.174.227.691	3.625.003.066
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.174.227.691	3.625.003.066
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	397.663.713	1.597.663.713
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		397.663.713	397.663.713
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.200.000.000)	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.325.507.002	21.216.854.827
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21.325.507.002	21.216.854.827
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		135.641.822.969	145.599.721.222

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		84.686.437.184	99.924.922.636
I.	Nợ ngắn hạn	310		83.042.276.097	97.367.933.596
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.779.874.947	3.514.788.397
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.691.779.347	17.748.507.391
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	384.238.427	5.513.405.099
4.	Phải trả người lao động	314		487.979.988	664.525.303
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	108.153.454	204.041.929
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.335.597.446	651.972.447
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	73.856.581.735	69.069.122.277
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		398.070.753	1.570.753
II.	Nợ dài hạn	330		1.644.161.087	2.556.989.040
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	1.644.161.087	2.556.989.040
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.955.385.785	45.674.798.586
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	50.955.385.785	45.674.798.586
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.500.000.000	40.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.500.000.000	40.500.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.979.630.324	3.699.043.125
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		299.043.125	277.413.283
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.680.587.199	3.421.629.842
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		135.641.822.969	145.599.721.222

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Hoàng Liên



Trần Thị Hoàng Liên



Phạm Xuân Hà

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	47.152.427.645	29.446.751.821
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	127.452.970	366.022.966
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.024.974.675	29.080.728.855
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	22.117.533.708	26.432.037.104
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.907.440.967	2.648.691.751
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	305.194.644	268.693.071
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	4.831.334.603	3.335.129.572
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.631.334.603</i>	<i>3.319.030.274</i>
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(327.685.952)
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	1.380.909.631	1.013.864.097
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	3.584.249.233	2.521.257.453
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.416.142.144	(4.280.552.252)
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	74.524	903.610.707
13.	Chi phí khác	32	VI.07	244.781.946	78.814.878
14.	Lợi nhuận khác	40		(244.707.422)	824.795.829
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.171.434.722	(3.455.756.423)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	4.587.812.478	-
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		10.583.622.244	(3.455.756.423)
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		10.583.622.244	(3.455.756.423)
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.104	(1.028)
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.104	(1.028)

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		43.675.702.881	39.190.531.882
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.432.156.370)	(43.160.204.768)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.954.329.790)	(2.276.321.858)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(3.587.938.005)	(3.315.048.843)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(5.164.799.311)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		322.365.931	488.649.259
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.258.832.774)	(11.231.768.465)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.399.987.438)	(20.304.162.793)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(527.000.000)	(1.142.759.637)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	433.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.450.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(170.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		305.194.644	261.346.125
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(221.805.356)	(2.068.413.512)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	13.500.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		38.319.266.652	59.675.635.653
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(34.444.635.147)	(48.605.548.183)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.843.873.475)	(2.422.270.800)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.030.758.030	22.147.816.670
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.591.034.764)	(224.759.635)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.317.824.263	2.063.940.796
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		726.789.499	1.839.181.161

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Hoàng Liên



Trần Thị Hoàng Liên



Phạm Xuân Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến 30 tháng 9 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Số 181 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	45%	45%	45%

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

15. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối kỳ trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Thuế thu nhập doanh nghiệp". Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	327.576.673	1.123.727.805
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	399.212.826	3.194.096.458
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	726.789.499	4.317.824.263

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Cộng	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000

(*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng, lãi suất 6,5%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	Số lượng cổ phần	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phần	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		397.663.713	-			397.663.713	-	
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	27.000	397.663.713	-	(*)	27.000	397.663.713	-	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác		1.200.000.000	(1.200.000.000)			1.200.000.000	-	
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	100.000	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	100.000	1.000.000.000	-	880.000.000
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	20.000	200.000.000	(200.000.000)	(*)	20.000	200.000.000	-	(*)
Cộng		1.597.663.713	(1.200.000.000)			1.597.663.713	-	

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính để thuyết minh trên Báo cáo tài chính Hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này. Đồng thời, chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ**

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
<i>Đơn vị tính: VND</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	501.657.041	1.183.471.513
Chuyển tiền góp vốn	-	170.000.000
03. Phải thu của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.426.871.336	19.415.369.220
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	2.736.809.496	2.736.809.496
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á	1.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	-	9.512.070.355
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	3.190.061.840	7.166.489.369
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	7.426.871.336	19.415.369.220
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	9.512.070.355
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	-	9.512.070.355
Cộng	-	9.512.070.355
04. Trả trước cho người bán		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.191.029.794	1.693.728.569
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế và Xây dựng	198.000.000	198.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ địa chính Tây Hồ	395.500.000	395.500.000
- Công ty Cổ phần công nghệ MNB Việt Nam	596.750.000	596.750.000
- Bà Võ Thị Bích Liễu	-	350.000.000
- Công ty TNHH Cơ khí Hưng Toàn	323.400.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	677.379.794	153.478.569
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	2.191.029.794	1.693.728.569
05. Phải thu khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.038.705.022	3.341.599.784
- Tạm ứng	1.035.805.022	1.054.689.472
- Phải thu khác	2.900.000	2.286.910.312
Cộng	1.038.705.022	3.341.599.784

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	6.615.174.156	-	8.897.612.252	-
- Công cụ, dụng cụ	396.051.766	-	291.433.844	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.557.006.605	-	45.792.321.482	-
- Thành phẩm	15.030.281.679	-	6.262.306.390	-
- Hàng hoá	1.437.910.767	-	1.425.102.163	-
- Hàng gửi đi bán	3.987.702.506	-	4.078.630.734	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	77.024.127.479	-	66.747.406.865	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
- Xây dựng cơ bản	2.174.227.691	3.625.003.066
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	2.162.880.691	1.713.885.855
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	11.347.000	1.911.117.211
Cộng	2.174.227.691	3.625.003.066



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂNG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>13.355.914.367</i>	<i>37.259.955.608</i>	<i>3.068.807.898</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.946.721.652</i>	<i>55.980.639.343</i>
- Mua trong kỳ	-	527.000.000	-	-	-	527.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>13.355.914.367</i>	<i>37.786.955.608</i>	<i>3.068.807.898</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.946.721.652</i>	<i>56.507.639.343</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>10.404.170.999</i>	<i>23.765.228.662</i>	<i>1.792.200.877</i>	<i>341.684.330</i>	<i>1.491.214.380</i>	<i>37.794.499.248</i>
- Khấu hao trong kỳ	166.959.342	751.108.873	97.045.824	3.027.363	76.390.698	1.094.532.100
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>10.571.130.341</i>	<i>24.516.337.535</i>	<i>1.889.246.701</i>	<i>344.711.693</i>	<i>1.567.605.078</i>	<i>38.889.031.348</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>2.951.743.368</i>	<i>13.494.726.946</i>	<i>1.276.607.021</i>	<i>7.555.488</i>	<i>455.507.272</i>	<i>18.186.140.095</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>2.784.784.026</i>	<i>13.270.618.073</i>	<i>1.179.561.197</i>	<i>4.528.125</i>	<i>379.116.574</i>	<i>17.618.607.995</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 26.379.449.323 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 28.444.063.306 đồng và 11.042.535.624 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>56.789.209</i>	<i>23.466.992</i>	<i>80.256.201</i>
- Khấu hao trong kỳ	2.755.116	2.187.498	4.942.614
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>59.544.325</i>	<i>25.654.490</i>	<i>85.198.815</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>3.210.791</i>	<i>11.533.008</i>	<i>14.743.799</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>455.675</i>	<i>9.345.510</i>	<i>9.801.185</i>

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	96.760.247	119.855.495
- Giá trị còn lại của công cụ xuất dùng chờ phân bổ	-	5.336.364
- Phí bảo hiểm	42.749.895	55.882.333
- Các khoản khác	54.010.352	58.636.798
b. Dài hạn	21.325.507.002	21.216.854.827
- Giá trị còn lại của công cụ xuất dùng chờ phân bổ	477.277.704	583.206.973
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	19.356.103.268	19.610.806.856
- Chi phí sửa chữa	639.925.805	680.627.717
- Chi phí khác	852.200.225	342.213.281
Cộng	21.422.267.249	21.336.710.322

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	69.069.122.277	69.069.122.277	39.252.094.605	34.464.635.147	73.856.581.735	73.856.581.735
- Vay ngân hàng	42.931.944.537	42.931.944.537	28.734.186.049	25.001.085.407	46.665.045.179	46.665.045.179
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hồ ^(a)	6.214.814.930	6.214.814.930	7.442.865.320	4.234.736.130	9.422.944.120	9.422.944.120
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(b)	18.893.662.920	18.893.662.920	9.908.927.890	11.549.922.823	17.252.667.987	17.252.667.987
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(c)	17.823.466.687	17.823.466.687	11.382.392.839	9.216.426.454	19.989.433.072	19.989.433.072
- Vay đối tượng khác	24.311.521.840	24.311.521.840	9.605.080.603	8.550.721.787	25.365.880.656	25.365.880.656
+ Các cá nhân ^(d)	24.311.521.840	24.311.521.840	9.605.080.603	8.550.721.787	25.365.880.656	25.365.880.656
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.825.655.900	1.825.655.900	912.827.953	912.827.953	1.825.655.900	1.825.655.900
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	1.193.655.900	1.193.655.900	596.827.953	596.827.953	1.193.655.900	1.193.655.900
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	392.000.000	392.000.000	196.000.000	196.000.000	392.000.000	392.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(g)	240.000.000	240.000.000	120.000.000	120.000.000	240.000.000	240.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.556.989.040	2.556.989.040	-	912.827.953	1.644.161.087	1.644.161.087
Từ 1 năm đến 5 năm	2.556.989.040	2.556.989.040	-	912.827.953	1.644.161.087	1.644.161.087
- Vay ngân hàng	2.556.989.040	2.556.989.040	-	912.827.953	1.644.161.087	1.644.161.087
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	1.417.989.040	1.417.989.040	-	596.827.953	821.161.087	821.161.087
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	686.000.000	686.000.000	-	196.000.000	490.000.000	490.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(g)	453.000.000	453.000.000	-	120.000.000	333.000.000	333.000.000
Cộng	71.626.111.317	71.626.111.317	39.252.094.605	35.377.463.100	75.500.742.822	75.500.742.822

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ theo hợp đồng tín dụng số 28292.18.004.736671.TD ngày 18/9/2018 với hạn mức 10.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, lãi suất vay trong năm là 8,9%/năm.
- (b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/259662/HĐTDHM ngày 22/6/2018, với hạn mức là 20.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 02 xe ô tô, 03 xe nâng hàng, 100 téc inox, hợp đồng tiền gửi, 75 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc tại số 8a phố Đặng Tất, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, lãi suất vay trong năm là 10,9%/năm.
- (c): Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 283/2018/HĐTD/TLG/01 ngày 10/5/2018 để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay là 9,9%/năm.
- (d): Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất là 9,5%/năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (e): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua Tank, máy móc, hệ thống đường ống Glycol và ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất trong năm từ 9,4%/năm – 10,1%/năm.
- (f): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất trong năm là 10,9%/năm.
- (g): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/259662/HĐTDTH ngày 06/02/2018 để thanh toán tiền lần 2, lần 3 tiền mua máy đóng nút co tự động 4 đầu của hãng Robino & Galandrino – Italia, với gốc vay là 693.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 10,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/259662/HĐBĐ ngày 06/02/2018.

38
1 N
i T
VU
IN
IE
M
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	2.779.874.947	2.779.874.947	3.514.788.397	3.514.788.397
- Công ty TNHH thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng	2.685.964.050	2.685.964.050	1.366.041.600	1.366.041.600
- Chi nhánh KDTH - Cty CP XNK Lương thực thực phẩm Hà Nội	-	-	1.956.600.000	1.956.600.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	93.910.897	93.910.897	192.146.797	192.146.797
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.779.874.947	2.779.874.947	3.514.788.397	3.514.788.397

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.691.779.347	17.748.507.391
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á	-	16.500.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	2.037.656.769	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.654.122.578	1.248.507.391
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	3.691.779.347	17.748.507.391

c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.037.656.769	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	2.037.656.769	-
Cộng	2.037.656.769	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	-	55.494.684	-	55.494.684	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	4.877.482.816	292.043.907	5.068.569.748	-	100.956.975
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	543.372.054	4.587.812.478	5.164.799.311	33.614.779	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	37.055.545	162.837.269	81.949.667	-	117.943.147
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.430.179.556	1.430.179.556	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	58.695.302	-	-	58.695.302
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	108.643.003	2.000.000	-	106.643.003
Cộng	-	5.513.405.099	6.640.211.515	11.802.992.966	33.614.779	384.238.427

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	108.153.454	204.041.929
- Chi phí lãi vay	108.153.454	64.756.856
- Chi phí phải trả khác	-	139.285.073
b. Dài hạn	-	-
Cộng	108.153.454	204.041.929

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	1.335.597.446	651.972.447
- Kinh phí công đoàn	20.960.775	23.219.924
- Bảo hiểm xã hội	145.570.303	-
- Bảo hiểm y tế	36.691.609	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.827.131	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.119.547.628	628.752.523
+ Cổ tức phải trả	57.034.439	65.907.914
+ Các đối tượng khác	1.062.513.189	562.844.609
Cộng	1.335.597.446	651.972.447

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.917.413.283	31.393.168.744
Tăng vốn trong năm trước	13.500.000.000	-	-	13.500.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	3.421.629.842	3.421.629.842
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.640.000.000)	(2.640.000.000)
Số dư cuối năm trước	40.500.000.000	1.475.755.461	3.699.043.125	45.674.798.586
Số dư đầu năm nay	40.500.000.000	1.475.755.461	3.699.043.125	45.674.798.586
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	10.583.622.244	10.583.622.244
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	-	-	(3.240.000.000)	(3.240.000.000)
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (*)	-	-	(2.063.035.045)	(2.063.035.045)
Số dư cuối kỳ này	40.500.000.000	1.475.755.461	8.979.630.324	50.955.385.785

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2018/CPVTL-DHCD ngày 05 tháng 6 năm 2018. Chi tiết phân phối lợi nhuận trong kỳ:

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
Phân phối lợi nhuận năm trước	3.240.000.000
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	405.000.000
Chia cổ tức	2.835.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	2.063.035.045
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.063.035.045
Tổng phân phối lợi nhuận	5.303.035.045

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ %	Số đầu năm	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	16.199.320.000	40	16.199.320.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	24.300.680.000	60	24.300.680.000	60
Cộng	40.500.000.000	100	40.500.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.500.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	13.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	40.500.000.000	40.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.835.000.000	2.430.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.050.000	4.050.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.050.000	4.050.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.050.000</i>	<i>4.050.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.050.000	4.050.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.050.000</i>	<i>4.050.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
Cộng	1.475.755.461	1.475.755.461

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
+ Công ty TNHH Hoàng Anh I	16.500.000	16.500.000
+ Văn phòng Tư vấn chuyển giao CNXD	44.380.000	44.380.000
+ Công ty TNHH SX TM dịch vụ Long Phan	24.750.000	24.750.000
+ Công ty CP định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam	35.000.000	35.000.000
+ Công ty Cổ phần Sáng tạo	4.000.000	4.000.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển thương hiệu Hoa Lan	20.900.000	20.900.000
- DNTN Thành Công (Lạng Sơn)	13.377.901	13.377.901
- DNTN Hoàng Anh (Uông Bí, Quảng Ninh)	35.875.176	35.875.176
- Hộ kinh doanh Minh Đức	98.455.456	98.455.456
- Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Việt Thành	6.768.400	6.768.400
- Khúc văn Đồng - Cửa hàng 26 Nguyễn Công Trứ	184.228.733	-
- XNSX hàng nhựa	2.288.962.808	-
- Cty CP Bao Bì Nhựa Thăng Long	85.000.000	-
Cộng	2.858.198.474	300.006.933

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Doanh thu bán hàng	19.273.381.980	25.553.937.680
- Doanh thu bán thành phẩm	279.132.222	900.366.855
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	693.096.986	305.878.463
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.906.816.457	2.686.568.823
- Doanh thu chuyển nhượng dự án	25.000.000.000	-
Cộng	47.152.427.645	29.446.751.821

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Chiết khấu thương mại	101.236.548	58.947.357
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	26.216.422	307.075.609
Cộng	127.452.970	366.022.966

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.643.943.930	25.644.978.615
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	222.144.874	460.483.432
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	190.507.294	326.575.057
- Chi phí chuyển nhượng dự án	2.060.937.610	-
Cộng	22.117.533.708	26.432.037.104

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	305.194.644	268.693.071
Cộng	305.194.644	268.693.071

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Lãi tiền vay	3.631.334.603	3.319.030.274
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	8.463.303
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	890.000.000	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	7.635.995
Cộng	4.521.334.603	3.335.129.572

06. Thu nhập khác

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	385.684.989
- Các khoản khác	74.524	517.925.718
Cộng	74.524	903.610.707

07. Chi phí khác

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Các khoản bị phạt hành chính	244.163.446	77.006.012
- Các khoản khác	618.500	1.808.866
Cộng	244.781.946	78.814.878

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	3.584.249.233	2.521.257.453
- Chi phí nhân viên quản lý	662.436.313	958.694.177
- Chi phí đồ dùng văn phòng	79.577.518	95.420.247
- Chi phí khấu hao TSCĐ	21.597.413	45.576.066
- Thuế, phí và lệ phí	10.900.000	-
- Chi phí dự phòng	2.558.191.541	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	200.207.935	846.299.705
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	51.338.513	575.267.258
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	1.380.909.631	1.013.864.097
- Chi phí nhân viên	293.684.988	256.892.725
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.000.000	948.326
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	21.294.626	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	61.908.396	61.908.396
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	678.419.042	418.253.625
- Chi phí khác	324.602.579	275.861.025
Cộng	4.965.158.864	3.535.121.550

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.587.812.478	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.587.812.478	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	10.583.622.244	(3.455.756.423)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.583.622.244	(3.455.756.423)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	2.063.035.045	405.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.050.000	3.754.918
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.104	(1.028)

^(*) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	10.583.622.244	(3.455.756.423)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.583.622.244	(3.455.756.423)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	2.063.035.045	405.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.050.000	3.754.918
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.104	(1.028)

^(*) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.007.813.360	4.664.902.562
- Chi phí nhân công	3.453.599.762	3.128.485.380
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.099.474.714	1.092.933.876
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.025.966.888	3.347.258.806
- Chi phí khác	4.393.235.046	2.809.829.086
- Chi phí dự phòng	2.558.191.541	-
Cộng	20.538.281.311	15.043.409.710

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	141.744.661	164.897.086
Cộng	141.744.661	164.897.086

03. Thay đổi chính sách kế toán***Điều chỉnh hồi tố***

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến 30 tháng 9 năm 2017 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017 đã soát xét	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(920)	(108)	(1.028)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(920)	(108)	(1.028)

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển, dịch vụ cung cấp nhân lực;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng, chuyển nhượng bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Sản xuất rượu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và chuyển nhượng dự án	Cộng
Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	151.679.252	19.273.381.980	693.096.986	26.906.816.457	47.024.974.675
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	954.911.432	22.985.276.708	136.038.276	7.532.606.115	31.608.832.531
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(803.232.180)	(3.711.894.728)	557.058.710	19.374.210.342	15.416.142.144
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	527.000.000	-	-	-	527.000.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	770.437.828	424.901.303	15.850.320	485.535.100	1.696.724.551
Số dư tại 30/9/2018					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	13.644.927.354	47.562.245.130	1.710.402.916	66.399.794.357	129.317.369.757
- Tài sản không phân bổ					6.324.453.212
Tổng tài sản	13.644.927.354	47.562.245.130	1.710.402.916	66.399.794.357	135.641.822.969
- Nợ phải trả bộ phận	271.872.479	34.545.938.492	1.242.318.856	48.228.236.604	84.288.366.431
- Nợ phải trả không phân bổ					398.070.753
Tổng nợ phải trả	271.872.479	34.545.938.492	1.242.318.856	48.228.236.604	84.686.437.184

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<u>Sản xuất rượu</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	534.343.889	25.553.937.680	305.878.463	2.686.568.823	29.080.728.855
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	596.112.629	31.726.435.500	72.794.522	965.938.456	33.361.281.107
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(61.768.740)	(6.172.497.820)	233.083.941	1.720.630.367	(4.280.552.252)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.149.054.914	334.465.215	4.003.520	35.163.419	1.522.687.069
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	27.216.420	1.445.996.000	17.308.449	152.022.276	1.642.543.146
Số dư tại 30/9/2017					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	14.925.989.639	98.457.992.452	1.178.533.805	10.351.209.908	124.913.725.804
- Tài sản không phân bổ					8.239.181.161
Tổng tài sản	14.925.989.639	98.457.992.452	1.178.533.805	10.351.209.908	133.152.906.965
- Nợ phải trả bộ phận	1.733.706.293	82.911.068.117	992.438.441	8.716.711.040	94.353.923.891
- Nợ phải trả không phân bổ					1.570.753
Tổng nợ phải trả	1.733.706.293	82.911.068.117	992.438.441	8.716.711.040	94.355.494.644

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**06. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản thế chấp	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ			
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng			
Máy móc thiết bị	14.610.373.477	1.544.731.726	Giải chấp khi các
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.830.012.678	487.550.749	khoản vay được trả
Tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP			
Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn			
Máy móc thiết bị	2.800.000.000	2.272.114.680	Giải chấp khi các
			khoản vay được trả
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Tiên Phong			
Máy móc thiết bị	8.375.391.818	6.354.815.871	Giải chấp khi các
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	383.322.598	khoản vay được trả
Tổng cộng	28.444.063.306	11.042.535.624	

Số đầu năm**Tài sản thế chấp tại ngân hàng**

TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng

Máy móc thiết bị 14.010.373.477 1.067.887.539 Giải chấp khi các

Phương tiện vận tải truyền dẫn 1.830.012.678 535.323.013 khoản vay được trả

Tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP

Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn

Máy móc thiết bị 2.800.000.000 2.365.448.016 Giải chấp khi các

Tài sản thế chấp tại ngân hàng

TMCP Tiên Phong

Máy móc thiết bị 8.375.391.818 6.744.418.791 Giải chấp khi các

Phương tiện vận tải truyền dẫn 828.285.333 414.900.676 khoản vay được trả

Tổng cộng **27.844.063.306** **11.127.978.035**

07. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

08. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	2.779.874.947	-	-	2.779.874.947
Vay và nợ	73.856.581.735	1.644.161.087	-	75.500.742.822
Chi phí phải trả	108.153.454	-	-	108.153.454
Các khoản phải trả khác	599.596.655	-	-	599.596.655
Cộng	77.344.206.791	1.644.161.087	-	78.988.367.878
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	3.514.788.397	-	-	3.514.788.397
Vay và nợ	69.069.122.277	2.556.989.040	-	71.626.111.317
Chi phí phải trả	204.041.929	-	-	204.041.929
Các khoản phải trả khác	108.801.550	-	-	108.801.550
Cộng	72.896.754.153	2.556.989.040	-	75.453.743.193

09. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã được kiểm toán bởi và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016 đã được soát xét Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “Lãi suy giảm trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại theo quy định của chế độ kế toán (chi tiết thuyết minh số VIII.03).

11. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

